

**PHỤ LỤC**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU NGHỊ QUYẾT GIAI ĐOẠN 2021-2025;**  
**CHỈ TIÊU NGHỊ QUYẾT GIAI ĐOẠN 2026-2030**  
*(Kèm theo Báo cáo số...../BC-UBND ngày...../12/2025 của UBND xã Gò Nổi)*

| STT      | Các chỉ tiêu chủ yếu                                                  | Số kế hoạch<br>nhiệm kỳ 2021-<br>2025 | Kết quả đạt<br>được | So sánh với chỉ<br>tiêu NQ đề ra<br>(đạt/không đạt) | Chỉ tiêu nhiệm kỳ 2026-<br>2030 |
|----------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Nhóm chỉ tiêu về Kinh tế</b>                                       |                                       |                     |                                                     |                                 |
| 1        | Tốc độ tăng giá trị sản xuất (theo giá so<br>sánh 2010)               | 11,17 %                               | 10,50 %             | Đạt                                                 | 10-12 %                         |
| 2        | Cơ cấu kinh tế:                                                       |                                       |                     |                                                     |                                 |
|          | - Nông, lâm nghiệp và thủy sản                                        | 21,87 %                               | 25,25 %             | Đạt                                                 | 18,00%                          |
|          | - Công nghiệp, xây dựng                                               | 33,47 %                               | 28,61 %             | Không đạt                                           | 29,00%                          |
|          | - Dịch vụ                                                             | 44,66 %                               | 46,15 %             | Đạt                                                 | 53,00%                          |
| 3        | Thu nhập bình quân đầu người                                          | 70,80                                 | 73,00               | Đạt                                                 | 110 triệu đồng người/năm        |
| 4        | Tăng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn                              | 11,00 %                               | 4,56%               | Không đạt                                           | 12-14%                          |
| 5        | Xây dựng xã Nông thôn mới                                             | Đạt                                   | Đạt                 | Đạt                                                 | Đạt                             |
|          | Duy trì giữ vững các tiêu chí xã Đạt chuẩn<br>xã NTM, xã NTM Nâng cao | Đạt                                   | Đạt                 | Đạt                                                 | Đạt                             |
|          | Duy trì giữ vững các tiêu chí xã Đạt chuẩn<br>xã NTM Kiểu mẫu         | Đạt                                   | Đạt                 | Đạt                                                 | Đạt                             |

|           |                                                                                                                                  |      |      |          |                                         |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|----------|-----------------------------------------|
|           | Tiếp tục duy trì Xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và gắn với xây dựng xã Nông thôn mới hiện đại                                         | Đạt  | Đạt  | Đạt      | Đạt                                     |
| <b>II</b> | <b>Nhóm chỉ tiêu Văn hóa- xã hội</b>                                                                                             |      |      |          |                                         |
| 1         | Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2                                                                                         | 100% | 100% | Đạt      | 100%                                    |
|           | - Trung học cơ sở                                                                                                                | 100% | 100% | Đạt      | 100%                                    |
|           | - Tiểu học                                                                                                                       | 100% | 100% | Đạt      | 100%                                    |
|           | - Mầm non                                                                                                                        | 100% | 100% | Đạt      | 100%                                    |
| 2         | Tỷ lệ Trường THCS, Tiểu học, Mẫu giáo đạt Phổ cập giáo dục các bậc học                                                           | 100% | 100% | Đạt      | 100%                                    |
| 3         | Tỷ lệ dân số tham gia Bảo hiểm Y tế                                                                                              | 99%  | 99%  | Đạt      | 100%                                    |
| 4         | Tỷ lệ Thôn Văn hóa                                                                                                               | 90%  | 80%  | Chưa đạt | Trên 80 %                               |
| 5         | Tỷ lệ Gia đình Văn hóa                                                                                                           | 95%  | 96%  | Đạt      | Trên 95%                                |
| 6         | Cơ quan, đơn vị, trường học đạt chuẩn văn hóa                                                                                    | Đạt  | Đạt  | Đạt      | Đạt                                     |
| 7         | Xã đạt văn hóa                                                                                                                   | 3    | 3    | Đạt      | 1                                       |
| 8         | Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (theo chuẩn nghèo đa chiều Quốc gia giai đoạn 2022- 2025) còn 0 %. Không có hộ tái nghèo, tái cận nghèo. | 0%   | 0%   | Đạt      | Hộ nghèo: 0 %<br>Hộ cận nghèo: Dưới 1 % |
| 9         | Tỷ lệ lao động qua đào tạo                                                                                                       | 80%  | 85%  | Đạt      | Trên 90%                                |

|            |                                                                                 |      |      |     |      |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------|------|------|-----|------|
| 10         | Chất thải rắn được thu gom và xử lý theo quy định                               | 100% | 100% | Đạt | 100% |
| 11         | Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế                                             | 95%  | 95%  | Đạt | 100% |
| <b>III</b> | <b>Nhóm chỉ tiêu về An ninh- Quốc phòng</b>                                     |      |      |     |      |
| 1          | Hoàn thành chỉ tiêu tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ                            | 100% | 100% | Đạt | 100% |
| 2          | Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững. | 100% | 100% | Đạt | 100% |